

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN Đ Đ

TỈNH G L

Bản án số: 12/2019/DS-ST

Ngày: 15/10/2019

*“Tranh chấp hợp đồng tín dụng
về vay tài sản”*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ Đ, TỈNH G L

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Viết Minh Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Chín.

Ông Lê Văn Do.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Vương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2019/TLST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2019, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; Địa chỉ: 02 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Đ Đ Đông G L (Theo Quyết định ủy quyền số: 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 “V/v ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo văn bản ủy quyền số 139b/NHNoĐDD-TH/GUQ ngày 15 tháng 10 năm 2019): Ông Trần D – Chức vụ: Trưởng phòng Phòng kế hoạch và kinh doanh - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Đ Đ Đông G L.

Địa chỉ: 199 N H, thị trấn Đ Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ – Sinh năm 1989 và bà Vũ Thị T, Sinh năm: 1996.

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã H Y, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/01/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (viết tắt là Agribank) trình bày:

Ngày 16/01/2018, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đ Đ Đông G L và vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Vũ Thị T có ký kết Hợp đồng tín dụng số 1779/HĐTD, cụ thể: Số tiền vay là 250.000.000 đồng; Lãi suất là 9,5%/năm, lãi suất quá hạn 150%/năm. Thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích vay: Chăm sóc hồ tiêu, cà phê, cải tạo hệ thống tưới. Phương thức cho vay: Từng lần. Kỳ hạn trả nợ lãi: 06 tháng/lần vào ngày 30 (thỏa thuận trả lãi hàng tháng); Kỳ hạn trả nợ gốc: 16/01/2019.

Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của Hợp đồng vay vốn nêu trên ông Đ và bà T đã thế chấp tài sản là bất động sản Quyền sử dụng đất tại thôn 3 (trước đây là thôn 1), xã H Y, huyện Đ Đ, tỉnh G L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 045052 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 02/10/2017 cho hộ ông Nguyễn Đức T, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Vũ Thị T ngày 20/11/2017 bằng Hợp đồng thế chấp bất động sản số 1779/HĐTC ngày 16 tháng 01 năm 2018. Hợp đồng thế chấp nêu trên đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng đã ký, ngày 16/01/2018 ông Đ, bà T đã vay của ngân hàng số tiền 250.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng đã ký ông Đ, bà T chỉ mới trả cho ngân hàng được 12.006.944 đồng tiền lãi và sau đó ông Đ, bà T đã vi phạm các điều khoản trong hợp đồng. Ông Đ, bà T đã không trả nợ lãi đúng hạn theo kỳ hạn trả lãi đã cam kết trong hợp đồng. Cụ thể, khoản vay mà ông Đ, bà T vay của ngân hàng đã quá hạn gốc và lãi từ ngày 17/01/2019. Đến nay Đ, bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng mà bỏ đi nơi khác. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Đ, bà T phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 28/01/2019 tổng cộng là 263.194.444 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Đ và bà T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ là 288.989.582 đồng (Trong đó: Nợ gốc 250.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 30.017.360 đồng và nợ lãi quá hạn đến ngày xét xử 15/10/2019 là 8.972.222 đồng). Trong trường hợp Đ, bà T không trả được số tiền nợ nêu trên, Ngân hàng yêu cầu Tòa án cho phát mãi tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 1779/HĐTC ngày 16 tháng 01 năm 2018 để Ngân hàng thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Vũ Thị T đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng bị đơn cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của bị đơn ông Đ, bà T.

Tại phiên tòa, đại diện của viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ, bà Vũ Thị T. Tuy nhiên, ông Đ, bà T đã không đến Tòa án để tham gia hòa giải, không đến tham gia phiên tòa. Việc ông Đ, bà T không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không đến tham gia phiên tòa là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Đ, bà T.

[2] Về nội dung: Ngày 16/01/2018, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đ Đ Đông G L và vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Vũ Thị T có ký kết Hợp đồng tín dụng số 1779/HĐTD, cụ thể: Số tiền vay là 250.000.000 đồng; Lãi suất là 9,5%/năm, lãi suất quá hạn 150%/năm. Thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích vay: Chăm sóc hồ tiêu, cà phê, cải tạo hệ thống tưới. Phương thức cho vay: Từng lần. Kỳ

hạn trả nợ lãi: 06 tháng/lần vào ngày 30 (thỏa thuận trả lãi hàng tháng); Kỳ hạn trả nợ gốc: 16/01/2019. Căn cứ vào hợp đồng tín dụng đã ký, ngày 17/01/2018 ông Đ, bà T đã vay của ngân số tiền 250.000.000 đồng. Xét việc ký kết Hợp đồng tín dụng số 1779/HĐTD ngày 16/01/2018 giữa Ngân hàng và ông Đ, bà T là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng và các bên tham gia giao dịch tự nguyện nên hợp đồng và giấy nhận nợ nêu trên là hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn đã ký kết thì ông Đ, bà T đã vi phạm về điều khoản trong hợp đồng. Cụ thể là quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng đã ký ông Đ, bà T chỉ mới trả cho ngân hàng được 12.006.944 đồng tiền lãi và sau đó ông Đ, bà T đã vi phạm các điều khoản trong hợp đồng. Ông Đ, bà T đã không trả nợ lãi đúng hạn theo kỳ hạn trả lãi đã cam kết trong hợp đồng. Và khoản vay mà ông Đ, bà T vay của ngân hàng đã quá hạn nợ gốc và lãi từ ngày 17/01/2019. Đến nay Đ, bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng mà bỏ đi nơi khác và từ đó đến ngày ngân hàng nộp đơn khởi kiện tại Tòa án thì Đ, bà T cũng không đến trả lãi cho ngân hàng. Nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ, bà T phải trả toàn bộ số tiền nợ gồm: Nợ gốc 250.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 30.017.360 đồng và nợ lãi quá hạn đến ngày xét xử 15/10/2019 là 8.972.222 đồng. Tổng cộng là 288.989.582 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của Hợp đồng vay vốn nêu trên ông Đ và bà T đã thế chấp tài sản là bất động sản Quyền sử dụng đất tại thôn 1, xã H Y, huyện Đ Đ, tỉnh G L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 045052 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh G L cấp ngày 02/10/2017 cho hộ ông Nguyễn Đức Thuận, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Vũ Thị T ngày 20/11/2017 bằng Hợp đồng thế chấp bất động sản số 11779/HĐTC ngày 16 tháng 01 năm 2018. Hợp đồng thế chấp nêu trên đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Xét việc ông Đ, bà T đã dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất để thế chấp cho Ngân hàng là nhằm đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Đ, bà T. Việc thế chấp tài sản thể hiện ý chí của các bên khi giao kết hợp đồng. Tài sản thế chấp đều được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm, phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Do đó, thấy rằng yêu cầu của Ngân hàng là trong trường hợp ông Đ, bà T không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản đó để thu hồi nợ là có căn cứ nên chấp nhận.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/6/2019 diện tích đất ông Nguyễn Văn Đ và bà Vũ Thị T đã thế chấp cho ngân hàng có tứ cận cụ thể như sau:

- Phía đông giáp tỉnh lộ 670 dài 16m.
- Phía tây giáp đất của ông Ngô Văn T dài 16m.
- Phía nam giáp đất của ông Phạm Văn L dài 112,65m.

-Phía bắc giáp đất ông Ngô Văn T dài 115,53m

Trên đất không có tài sản gì.

[4] Đối với toàn bộ số tiền lệ phí thông báo thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.044.000 đồng, nguyên đơn là người có nghĩa vụ thông báo nên phải chịu toàn bộ chi phí này (Nguyên đơn đã nộp đủ).

[5] Về chi phí xem xét thẩm định: Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.956.000 đồng. Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam đã nộp đủ số tiền này. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Vũ Thị T phải trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 3.956.000 đồng.

[6] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của BLTTDS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng: Các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 317, Điều 318; Điều 319, Điều 320, Điều 322 của Bộ luật Dân sự; Điều 90, 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Vũ Thị T phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 1779/HĐTD ngày 16/01/2018 là: 288.989.582 đồng (*Hai trăm tám mươi tám triệu chín trăm chín mươi tám nghìn năm trăm tám mươi hai đồng*). Trong đó: Nợ gốc 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*); Nợ lãi trong hạn 30.017.360 đồng (*Ba mươi triệu không trăm mười bảy nghìn ba trăm sáu mươi đồng*) và nợ lãi quá hạn đến ngày xét xử 15/10/2019 là 8.972.222 đồng (*Tám triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng*).

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Trong trường hợp ông Nguyễn Văn Đ và bà Vũ Thị T không trả được nợ gốc và nợ lãi nêu trên cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản gồm: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 403, tờ bản đồ số 18, diện tích 1715,5 m² và thửa đất số 404, tờ bản đồ số 18, diện tích 100 m²; Địa chỉ hai thửa đất trên tại thôn 3 (trước đây là thôn 1), xã H Y, huyện Đ Đ, tỉnh G L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 045052 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh G L cấp ngày 02/10/2017 cho hộ ông Nguyễn Đức T, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Vũ Thị T ngày 20/11/2017 bằng Hợp đồng thế chấp bất động sản số 1779/HĐTC ngày 16 tháng 01 năm 2018 để thu hồi nợ.

* Diện tích đất có tứ cận cụ thể như sau:

- Phía đông giáp tỉnh lộ 670 dài 16m.
- Phía tây giáp đất của ông Ngô Văn T dài 16m.
- Phía nam giáp đất của ông Phạm Văn L dài 112,65m.

-Phía bắc giáp đất ông Ngô Văn T dài 115,53m

* Trên đất không có tài sản gì.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Vũ Thị T phải trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 3.956.000 đồng (*Ba triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng*).

4. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Vũ Thị T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 14.449.479 đồng (*Mười bốn triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng*); Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 6.579.861 đồng (*Sáu triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi một đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002881 ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G L xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G L;
- VKSND huyện Đ Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Viết Minh Quân